

TRỢ ĐỘNG TỪ AVOIR VÀ ÊTRE TRONG TIẾNG PHÁP XÉT DƯỚI GÓC ĐỘ NGỮ NGHĨA VÀ MỘT SỐ HỆ QUẢ SỰ PHẠM

Vũ Thị Ngân^(*)

1. Đặt vấn đề

Trong tiếng Pháp, thời là một phạm trù ngữ pháp, nó bắt buộc phải được biểu đạt bằng một dạng thức nhất định của động từ. Các dạng thức động từ được phân bố thành hai nhóm đối xứng nhau: nhóm các dạng thức đơn và nhóm các dạng thức kép. Thí dụ:

Il chante. *Il a chanté.*

Il sort. *Il est sorti.*

Các dạng thức kép được cấu tạo với trợ động từ *avoir* hoặc *être*. Tuy nhiên, người ta cũng nhận thấy có sự phân bố không đồng đều giữa hai trợ động từ. Theo Tác giả Danielle Leemann (1994), có khoảng 30 động từ không phản thân chia với *être* trên tổng số gần 10000 động từ trong tiếng Pháp, tức là chỉ chiếm khoảng 0,3% và có khoảng 60 động từ chia với cả hai trợ động từ, tức là chiếm khoảng 0,6%.

Người Việt Nam học tiếng Pháp thường đã rất lúng túng khi phải chia động từ ở các thời khác nhau, lại càng lúng túng hơn khi phải lựa chọn cho đúng trợ động từ trong trường hợp bắt buộc phải chia động từ ở dạng thức kép. Vì vậy trong giao tiếp họ thường mắc các lỗi như * *nous avons parti en voyage* / * *hier soir, J' ai sorti avec mes amis*.

Vấn đề đặt ra là tại sao tiếng Pháp cần đến hai trợ động từ để cấu tạo dạng thức kép? Tại sao một số động từ có thể chia

được cùng với cả hai trợ động từ? Khi nào thì dùng trợ động từ này mà không dùng trợ động từ kia? Đó là những câu hỏi mà người học thường đặt ra cho giáo viên dạy tiếng pháp. Giải thích sao cho hợp lí và không mang tính áp đặt máy móc như thường thấy trong các sách ngữ pháp tiếng Pháp truyền thống?

Nhằm góp phần giải đáp các vướng mắc nêu trên, giúp cho việc dạy và học tiếng Pháp được tốt hơn, trong khuôn khổ của bài báo này, chúng tôi sẽ phân tích vai trò của *être* và *avoir* trong việc tạo nên sự khác biệt về ý nghĩa giữa những câu ở thời quá khứ kép. Phương pháp tiến hành là xuất phát từ những nhận xét chung về hành chức của chúng khi là các động từ bình thường.

2. Động từ *être*

Là động từ thuộc loại hệ từ (copule), *être* có một số nghĩa sau:

(1) Chỉ sự tồn tại: *Je pense donc je suis* (Tôi suy nghĩ tức là tôi tồn tại)

(2) Chỉ sự sở hữu: *Ce livre est au professeur* (Quyển sách này là của thầy giáo)

(3) Chỉ sự định vị: *Paul est dans le jardin* (Paul đang ở trong vườn)

Theo J. Damourette et E. Pinchon (1930), *être* tạo lập mối quan hệ “đồng nhất” (relation d'identité) giữa hai thực thể hoặc giữa một thực thể và một tính chất

(*) TS., Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Pháp, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

nào đó. Có lẽ chính đặc tính này là nguồn gốc cách dùng *être* làm trợ động từ, đồng thời làm ảnh hưởng đến nghĩa ngữ pháp của thời quá khứ kép. Vậy đặc tính của mối quan hệ đồng nhất mà động từ này thiết lập nên là gì?

Trước hết động từ này thiết lập mối quan hệ khăng khít giữa chủ ngữ (viết tắt là Co) và cái mà ngữ pháp truyền thống gọi là thuộc từ (attribut) (viết tắt là Y). Chúng cùng có chung một qui chiếu, chẳng hạn trong câu: *Luc est médecin* (Luc là bác sĩ) thì *Luc* và *médecin* chỉ qui về một người; người đó có tên là Luc và người đó là bác sĩ.

Có thể nói quan hệ giữa Co và Y là mối quan hệ phụ thuộc vì Y luôn mang các “dấu vết” của Co: nó hợp giống, hợp số với Co, thí dụ tính từ *mignon* phải được dùng ở giống cái, số nhiều trong câu *Ces filles sont mignonnes* (các cô gái này đều rất xinh xắn)

Mối quan hệ phụ thuộc này còn biểu thị ở chỗ Y có thể chỉ là một trong các thuộc tính của Co. Nói *Luc est intelligent* (Luc là người thông minh) thì tất cả mọi người đều hiểu sự thông minh có thể không phải là đặc tính duy nhất của Luc. Tuy nhiên, nhờ vào đặc tính này mà Co được nhận diện, được xác định. Như vậy, Co, trong mối quan hệ với Y do *être* xác lập nên, được xác định bởi Y và trong chừng mực nào đó bị hạn định bởi Y và không có vai trò độc lập. Chúng có sự liên kết khăng khít, phụ thuộc vào nhau, hạn định lẫn nhau, cái nọ xác định cho cái kia. Có thể nói đây là mối quan hệ **nội tại** (intrinsèque) do *être* thiết lập giữa Co và Y. Đó cũng chính là đặc tính của mối quan hệ gọi là đồng nhất. Đặc điểm hành chức trên của *être* có ảnh hưởng sâu sắc đến ý nghĩa ngữ pháp của các động từ có cấu tạo dạng

thức kép với *être* trong vai trò làm trợ động từ. Trong tiếng Pháp, chỉ có một số lượng ít ỏi các động từ có cấu tạo dạng thức kép với *être*. Đó là các động từ như *aller, accourir, arriver, devenir, venir, rester, entrer, sortir, mourir, naître, décéder, monter, descendre, parvenir...* Tất cả những động từ này đều có chung một đặc điểm là biểu thị những *biến động tức thì*, một khi đạt tới giới hạn tốt cùng, hành động sẽ chuyển sang trạng thái. Bởi vậy chúng cần trợ động từ *être*. Do đặc tính nêu trên của *être*, các quá khứ phân từ của các động từ cấu tạo với trợ động từ này được coi như một trạng thái biểu thị một thuộc tính của chủ ngữ. Nói *Paul est sorti* thì *sorti* biểu thị trạng thái “ở ngoài” một nơi nào đó của Paul, tức là anh ta vắng mặt ở địa điểm đó. Trạng thái này được định vị ở thời điểm xảy ra phát ngôn (ký hiệu là To) vì *être* chia ở thời hiện tại để cấu tạo thời quá khứ kép của tiếng Pháp.

Do vậy, với trợ động từ *être*, chính trạng thái kết quả của hành động ở thời điểm phát ngôn To là cái mà người ta muốn nhấn mạnh và tạo nên nét đặc trưng ngữ nghĩa của các động từ cấu tạo thời quá khứ kép với trợ động từ này.

3. Động từ avoir

Là một động từ có cấu trúc ngoại động (verbe transitif), *avoir* luôn cần có ngữ đoạn danh từ đi sau nó làm chức năng mà ngữ pháp truyền thống gọi là “bổ ngữ đối tượng trực tiếp” (chúng tôi ký hiệu là C1). Mối quan hệ mà *avoir* thiết lập nên giữa Co và C1 có bản chất khác hẳn mối quan hệ mà *être* thiết lập giữa Co và Y.

Nếu quan sát các câu có *avoir* làm vị ngữ, ví dụ: *Paul a une moto* (Paul có cái xe mô tô), ta thấy C1 (moto) không mang dấu

vết của Co (Paul). Hơn nữa, Co và C1 không có chung một qui chiếu vì chúng là hai khách thể khác loại và không phụ thuộc gì vào nhau, cả về mặt hình thức lẫn nội dung ngữ nghĩa. Khi được liên kết với nhau thông qua *avoir*, mối liên kết này được xác định là mối quan hệ “ngoại biên” (relation d’exteriorité) vì C1 là một khách thể hoàn toàn độc lập với Co.

Theo Culioli (1990), có thể coi mối quan hệ giữa hai khách thể khác biệt như một mối quan hệ định vị trong đó một khách thể là cái định vị (le repère) còn khách thể kia là cái được định vị (le repéré). Như vậy cũng có thể coi mối quan hệ mà *avoir* xác lập nên giữa Co và C1 là mối quan hệ định vị trong đó Co giữ vai trò cái định vị còn C1 là cái được định vị bởi Co. Là từ mốc, Co có vai trò độc lập với C1. Còn C1 chỉ được nhận dạng là cái được định vị trong mối quan hệ ngoại biên với Co do *avoir* xác lập nên.

Chính nét đặc trưng này là cơ sở giá trị của *avoir* trong vai trò làm trợ động từ. Nó cũng thiết lập mối *quan hệ ngoại biên* giữa chủ ngữ và quá khứ phân từ của các động từ có cấu tạo dạng thức kép với trợ động từ này. Trong mối quan hệ này, chủ ngữ là từ mốc có cương vị độc lập với quá khứ phân từ là cái được định vị. Như vậy, có thể nói là quá khứ phân từ có vị thế giống như vị thế của ngữ đoạn danh từ làm bổ ngữ (C1) trong mối quan hệ với chủ ngữ (Co) thông qua *avoir*.

Nhìn lại các động từ có cấu tạo dạng thức kép với *avoir*, ta thấy thông thường đó là các động từ không tiềm ẩn khả năng chuyển đổi trạng thái, có nghĩa là chúng không biểu đạt các biến động đạt tới giới hạn tột cùng để chuyển từ hành động sang trạng thái. Với trợ động từ *avoir*, quá khứ

phân từ được nhìn nhận như một hoạt động ở thời điểm mà nó được hiện thực hoá, chứ không phải là một trạng thái. Thời điểm đó là một điểm **ti** nào đó khác với thời điểm diễn ra phát ngôn **To**. Nói *Paul a lu un livre* (Paul đã đọc một quyển sách) thì *lu un livre* ở trong câu này chỉ hoạt động đọc sách chứ không phải là trạng thái. Hoạt động này của Paul diễn ra ở thời điểm quá khứ (**ti**) so với thời điểm phát ngôn **To**. Như vậy, với *avoir*, cái nổi trội hơn cả chính là hành động hoặc sự kiện xảy ra ở thời điểm **ti**.

Tóm lại, trong vai trò là trợ động từ, *être* và *avoir* có tác động khác nhau đến nghĩa ngữ pháp của thời quá khứ kép. Các động từ chia ở thời quá khứ kép với *être* thường mang ý nghĩa một trạng thái hoàn thành ở **To**, còn các động từ cấu tạo thời quá khứ kép với *avoir* lại mang ý nghĩa một hoạt động hay một hành động đã kết thúc ở thời điểm **ti** khác với **To**. Sự khác biệt về nghĩa này càng rõ nét khi một động từ có thể kết hợp được với một trong hai trợ động từ.

4. Động từ có cấu tạo dạng thức kép với cả hai trợ động từ

Các nhà ngôn ngữ đều có chung một nhận xét là nghĩa ngữ pháp của một động từ sẽ khác nhau khi kết hợp với *avoir* hay *être*. R. Martin (1971), sau khi phân tích sự đối lập giữa hai trợ động từ trên đã kết luận: “*Avoir disparu* chỉ sự kết thúc một hoạt động, còn *être disparu* chỉ “trạng thái kết quả”. Cùng một hiện thực khách quan, song được biểu thị một cách khác nhau tùy theo việc sử dụng trợ động từ là *avoir* hay *être*”.

J. Damourette et E. Pinchon (1936) cũng nhận xét tương tự khi phân tích các

ví dụ với động từ *demeurer* là động từ có thể dùng với cả hai trợ động từ. Theo các tác giả này thì *je suis demeuré* có nghĩa là *tôi vẫn tiếp tục ở đó* (j'ai continué à être là); còn nói *j'ai demeuré* có nghĩa là *tôi đã từng ở đó* (j'ai habité là).

D. Leemann (1994) cũng nhận định rằng: "... có sự tách bạch rõ ràng giữa hai trợ động từ: dùng trợ động từ avoir để chỉ sự kiện, hành động (được coi như đã kết thúc), và être khi nói về kết quả hoặc trạng thái kết quả của hành động hoàn thành" (trang 55)

Các nhận xét và kết luận trên cho phép khẳng định thêm các phân tích của chúng tôi về hành chức của hai động từ trên trong vai trò là trợ động từ ở mục 2 và 3. Sự đối lập giữa *avoir* và *être* thực ra là sự đối trọng trên một cán cân: cán cân sẽ nghiêng về **ti** trong trường hợp dùng trợ động từ *avoir*, lúc đó thời quá khứ kép biểu thị một hành động-sự kiện xảy ra ở thời điểm này. Cán cân sẽ nghiêng về **To** trong trường hợp dùng *être* để nhấn mạnh trạng thái hoàn thành của hành động ở **To**.

Điều này được thể hiện rõ khi chúng tôi khảo sát các ví dụ trích từ ngân hàng dữ kiện của Pháp về trường hợp động từ *divorcer* (li dị) là động từ có cấu tạo thời quá khứ kép với cả hai trợ động từ:

(1) Tu as eu beaucoup de bonheur dans ta vie. Tu es veuve?

- Non, j'ai divorcé il y a longtemps.

(Cậu đã từng rất hạnh phúc trong cuộc sống. Cậu góa chồng à? - Không. Mình li dị cách đây lâu lắm rồi) (E. Hanska, Les amants foudroyés, 1984)

(2) Béatrice a été mariée très jeune et a divorcé au bout de trois ans.

(Beatrice lấy chồng khi còn trẻ nhưng đã li dị sau đó ba năm)

(M. Droit, Le retour, 1964)

(3) Je suis divorcé et non remarié, vous le savez sans doute.

(Tôi sống li hôn và chưa tái giá. Hẳn ngài cũng biết điều đó)

(H. de Montherlant, Celle qu'on prend, 1950)

(4) - Oh, le mien fait des affaires; il est marié, le vôtre?

- Non, heureusement, il est divorcé.

(Ồ, ông bồ của mình chạy áp phe. Còn ông nhà bạn có gia đình không?)

- Không, may thay là chàng đang sống li hôn)

(Ch. De Rivoye, Les sultans, 1964)

Trong các ví dụ nêu trên, ta thấy động từ *divorcer* không có cùng giá trị ngữ nghĩa: ở ví dụ (1), (2), *divorcer* là sự kiện xảy ra ở thời điểm trong quá khứ, thời điểm này được xác định bởi nhóm từ chỉ thời gian là *il y a longtemps* (cách đây đã lâu), và *au bout de trois ans* (sau đó ba năm). Ngược lại, trong các ví dụ (3), (4), *divorcer* biểu thị tình trạng của chủ thể chứ không phải là hành động, do đó theo chúng tôi phải dịch là *li hôn*. Tình trạng này vẫn tiếp diễn ở thời điểm xảy ra phát ngôn do vậy động từ ở dạng thức kép khó có thể kết hợp với các từ chỉ thời gian như trong câu (1) và (2):

3a.?? Je suis divorcé il y a longtemps
/?? Je suis divorcé au bout de trois ans.

5. Một số suy nghĩ về cách dạy sử dụng trợ động từ Avoir và Être

Người Việt Nam học tiếng Pháp, vốn dĩ không có thói quen chia động từ trong tiếng mẹ đẻ vì tiếng Việt là thứ tiếng không biến hình, các động từ trong câu không thay đổi cho dù chúng được định vị ở

quá, khứ, hiện tại hay tương lai, lại càng lúng túng khi phải sử dụng động từ ở thời quá khứ kép. Nếu như ở giai đoạn đầu của quá trình học tiếng Pháp, họ thường mắc lỗi về cách chia động từ (nhầm lẫn các quá khứ phân từ, cách chọn trợ động từ, không sử dụng trợ động từ vv...), thì ở giai đoạn nâng cao, họ thường gặp khó khăn trong việc biểu thị sắc thái nghĩa khi sử dụng các động từ chia với cả hai trợ động từ.

Để góp phần tháo gỡ các khó khăn trên, theo chúng tôi nên áp dụng cách dạy riêng cho từng giai đoạn học tiếng Pháp. Dưới đây chúng tôi nêu một vài gợi ý mang tính chất tham khảo về cách dạy thời quá khứ kép.

5.1. Đối với đối tượng mới học tiếng Pháp: chú trọng dạy về hình thái, cách cấu tạo dạng thức kép

Trong các giáo trình dạy tiếng hiện nay, thời quá khứ kép được đưa vào dạy rất sớm do có sự tính đến nhu cầu giao tiếp của người học. Ví dụ trong giáo trình Studio 100, xuất bản năm 2001 (nhà xuất bản Hachette), thời quá khứ kép được đưa vào nhận diện ngay từ bài 3, tức là sau khoảng hơn một chục giờ học tiếng.

Đối với người Việt Nam học tiếng Pháp, ở giai đoạn bắt đầu này, theo chúng tôi, sau phân nhận diện về cách cấu tạo, nên khuyến khích họ học thuộc lòng máy móc các dạng thức động từ để tạo cho họ có thói quen chia hai động từ liên nhau. Phần lớn các động từ tiếng Pháp có cấu tạo thời quá khứ kép với trợ động từ *avoir* do vậy nên chú trọng học thuộc lòng các dạng quá khứ phân từ chia với trợ động từ này, nhất là các quá khứ phân từ của các động từ thuộc nhóm 3 là nhóm chia đặc biệt, nhất là các động từ có tần số sử dụng cao như *faire*

(*làm*), *lire* (*đọc*), *dire* (*nói*), *écrire* (*viết*), *prendre* (*cầm*), *comprendre* (*hiểu*), *avoir* (*có*), *être* (*thì, là*) vv... Tuy nhiên, nên hướng dẫn người học học thuộc lòng các dạng thức của động từ trong môi trường câu và phải chú ý sử dụng đồng thời cả bốn giác quan: tay viết, miệng nói, tai nghe, mắt nhìn.

Việc học thuộc lòng các động từ chia với trợ động từ *être* sẽ đơn giản hơn vì người học đã có thói quen chia hai động từ liên nhau và vì số lượng các động từ phải chia với *être* cũng không nhiều. Trong tổng số khoảng 30 động từ chia với trợ động từ này, chỉ có xấp xỉ 12 động từ thông dụng hơn cả nên việc học thuộc lòng dạng thức của chúng cũng không gây trở ngại lớn. Việc chọn các bài tập ứng dụng phù hợp, nhất là các bài tập lựa chọn đúng trợ động từ, điền các quá khứ phân từ đúng cũng đóng vai trò quan trọng giúp người học sử dụng thành thạo thời quá khứ kép.

Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy khi viết, người Việt Nam học tiếng Pháp ít mắc lỗi hơn khi nói. Do vậy, để việc sử dụng thời quá khứ kép trở thành kỹ năng thuần thục, tự nhiên trong giao tiếp, nên chú trọng chọn các bài tập có tình huống giao tiếp đa dạng, các bài tập luyện khả năng ứng đối nhanh, ví dụ hỏi-đáp về các việc đã làm, hoặc yêu cầu kể ngắn gọn một hoạt động, một sự kiện đã xảy ra vv...

5.2. Đối với đối tượng đã có trình độ tiếng Pháp tương đối cao: chú trọng về ý nghĩa ngữ pháp của thời quá khứ kép

Ở trình độ này, việc giảng dạy các dạng thức động từ phải gắn liền với ý nghĩa ngữ pháp của thời quá khứ kép, các ý nghĩa này được thể hiện một phần thông qua việc sử dụng trợ động từ.

Từ những câu trong cảnh huống có cùng một động từ nhưng sử dụng hai trợ động từ khác nhau, giúp học viên đưa ra các nhận xét về ý nghĩa khác nhau của câu để rút ra kết luận về vai trò của từng trợ động từ trong việc tạo dựng ý nghĩa của phát ngôn. Củng cố các kết luận bằng các bài tập ứng dụng trong đó mỗi phát ngôn được đặt trong tình huống cụ thể để dễ dàng nhận ra ý nghĩa của chúng. Nên đưa các bài tập dịch Việt-Pháp, Pháp-Việt vì loại hình bài tập này giúp học viên nhanh chóng nắm bắt các sắc thái nghĩa khác nhau do việc sử dụng các trợ động từ khác để tạo ra các hiệu quả ngữ dụng đa dạng trong giao tiếp.

6. Kết luận

Các phân tích trong mục 2, 3 và 4 cho thấy không phải ngẫu nhiên mà tiếng Pháp phải dùng đến hai trợ động từ để cấu tạo các dạng thức kép. Do đặc tính hành chức của mình, mỗi trợ động từ đảm nhiệm

một vai trò riêng trong việc tạo dựng ý nghĩa ngữ pháp của các động từ chia ở thời quá khứ kép. *Avoir* được dùng làm trợ động từ cho các động từ biểu thị những hoạt động hoặc sự kiện diễn ra ở thời điểm nào đó khác với **To**. Còn *être* được dùng để chỉ trạng thái kết quả của hành động ở **To**.

Có lẽ vì các sắc thái nghĩa nêu trên mà nhiều nhà ngôn ngữ học cho là thời quá khứ kép là thời lập lờ, hai mặt: khi thì mang ý nghĩa quá khứ, khi thì mang ý nghĩa hiện tại. Song thực ra, các ý nghĩa của thời này là kết quả của sự tương tác giữa các yếu tố cảnh huống trong đó có sự góp phần đáng kể của *avoir* và *être* với tư cách là một trong những yếu tố cảnh ngữ chính.

Việc dạy thời quá khứ kép nên đi từ hình thái đến ý nghĩa ngữ pháp do đặc điểm về cấu tạo và sự phức tạp về ý nghĩa mà dạng thức này biểu đạt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Benveniste, E., *Problèmes de linguistique générale*, tome 1, NRF, Galimard, Paris, 1966.
2. Benveniste, E., *Problèmes de linguistique générale*, tome II, NRF, Galimard, Paris, 1974.
3. Culioli, A., *Pour une linguistique de l'énonciation, Opérations et représentations*, tome 1, Ophrys, Paris, 1990.
4. Damourette, J et Pichon, E., *Des mots à la pensée, Grammaire de la langue française*, tv, D'Atrey, Paris, 1936.
5. Leemann, D., "Si j'aurais su, j'aurais pas venu- Remarques sur les auxiliaires, la transitivité et l'intransitivité", in *Le Gré des Langues*, No7, 1994, pp.101-113.
6. Martin, R., Temporalité et "classes de verbe", in *L'information grammaticale*, No39, octobre, 1998.
7. Vu Thi Ngan, *Systématique des valeurs du passé composé en français contemporain*, Thèse de Doctorat, Université de Paris, T.VII, 1998.
8. Wagner, R-L. et Pinchon, E., *Grammaire du français classique et moderne*, Hachette, Paris, 1968.

THE AUXILIARY VERBS “AVOIR” AND “ETRE” IN SEMANTIC ANGLE IN FRENCH

Dr. Vu Thi Ngan

*Department of French Language and Culture
College of Foreign Languages - VNU*

In French, a composite verb is normally formed with one of the auxiliary verbs “AVOIR” and “ETRE”. Most of these verbs are with “AVOIR”, and only 0,3% are with “ETRE”.

From general remark on the function of AVOIR and ETRE as significative verbs, this article analyses the role of these words as auxiliary verbs in forming grammatical meaning of verbs in past composite tense.

Given the particularity of the function of each verb, each auxiliary verb above will have different influences to the grammatical meaning of the sentence, and consequently may make the sentence carry different meanings.